

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1524 /QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 288/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 (năm) thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường (kèm Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở KHCN;
- Bưu điện tỉnh;
- Công TT điện tử tỉnh;
- Trưởng phòng KSTTHC;
- Lưu: VT; KSTTHC (Thủy-096).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Hữu Trí

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU**

(lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường)

(Kèm theo Quyết định Số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực: Quản lý dê điều và phòng chống thiên tai (04 TTHC)							
01	1.010091.000.00.00.H04	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - Trong 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - Trong 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: Trong 10 ngày làm việc kể từ	Không quy định	Chủ tịch UBND cấp huyện	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều.

				ngày có quyết định trợ cấp			
02	1.010092.000.00.00.H04	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - Trong 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - Trong 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Trong 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: Trong 10 ngày làm việc	Không quy định	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều.
03	2.002163.000.00.00.H04	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không quy định	UBND cấp xã	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản

							xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. - Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật
04	2.002162.000.00.00.H04.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Trực tiếp.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không quy định	UBND cấp xã	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. - Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

II. Lĩnh vực: Nông nghiệp (01 TTHC)							
1	1.003596. 000.00.00 .H04	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không quy định	UBND cấp xã	Nghị định số 83/2018/NĐCP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

Tổng số: 05 thủ tục hành chính./.